

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT

Ngày 05/01/2021)

HÀ NỘI - 2021

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2021

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2021

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.vcn.org.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)

1.2.1. Các chuyên ngành đào tạo:

- + Chăn nuôi (Mã số 9.62.01.05);
- + Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi (Mã số 9.62.01.07);
- + Di truyền và Chọn giống vật nuôi (Mã số 9.62.01.08).

1.2.2. Hình thức và thời gian đào tạo: 3-4 năm

1.2.3. Điều kiện dự tuyển:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành chăn nuôi hoặc chăn nuôi thú y.

b) Là tác giả của ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

- Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

d) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

đ) Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác đáp ứng 2 năm kinh nghiệm công tác.

1.2.4. Hồ sơ dự tuyển:

a) Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Đơn xin dự tuyển.

- Lý lịch khoa học.

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển) và thâm niên công tác (nếu có).

- Đề cương nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh là những người có bằng đại học hoặc thạc sĩ thuộc ngành chăn nuôi hoặc chăn nuôi thú y.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành: 03 chỉ tiêu.

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Chăn nuôi:

Viện Chăn nuôi có 21 đơn vị trực thuộc, gồm 01 Phân Viện, 3 phòng chức năng, 4 bộ môn nghiên cứu chuyên sâu, 2 phòng thí nghiệm và 11 trung tâm nghiên cứu chuyên con đóng trên địa bàn cả nước. Tổng số đội ngũ cán bộ công nhân viên của toàn khối Viện có mặt hiện nay là 1.016 người, trong đó có 51 cán bộ có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ; 198 Thạc sĩ; 284 người Đại học còn lại là kỹ thuật viên và công nhân lành nghề.

Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của Viện gồm: Di truyền và Chọn giống vật nuôi; Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi; Kinh tế và Môi trường chăn nuôi; Phân tích thức ăn và sản phẩm chăn nuôi và một số lĩnh vực khác.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020, Viện đã triển khai 173 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Trong đó, nhiệm vụ cấp Nhà nước là 13 nhiệm vụ; 50 nhiệm vụ cấp Bộ. Viện đã triển khai thực hiện 37 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của năm 2020 cho toàn khối Viện. Viện đã triển khai 59 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác trong nước và 14 dự án hợp tác quốc tế (trong đó có 05 dự án Viện chủ trì). Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý được cấp kịp thời nên đã tạo thuận lợi cho việc triển khai các đề tài, dự án đúng tiến độ.

Viện đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT duyệt 02 đề tài cấp Bộ, 02 dự án sản xuất thử nghiệm và 05 nhiệm vụ tiềm năng cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2021. Ngoài ra, Viện đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt 09 đề xuất các nhiệm vụ KHCVN thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 và 04 đề xuất về nhiệm vụ bảo tồn và lưu trữ nguồn gen.

Viện đã xây dựng đề xuất 04 nhiệm vụ KHCVN phối hợp với doanh nghiệp tập đoàn Quế Lâm (01 đề xuất về giống, 02 đề xuất về dinh dưỡng và 01 đề xuất về xử lý môi trường) trong cụm 10 nhiệm vụ KHCVN để trình Bộ KHCVN xét duyệt. Đề xuất 05 nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên bắt đầu thực hiện từ năm 2021 và 05 TCVN giai đoạn 2021-2022 lên Cục Chăn nuôi.

Bên cạnh đó, Viện tích cực tham gia góp ý hoàn thiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2045. Đặc biệt, Viện được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phân công chủ trì xây dựng Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, khuyến nông, tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi” và cử các cán bộ của Viện tham gia xây dựng 03/05 Đề án thực hiện Chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Năm 2020, các cán bộ nghiên cứu trong toàn Viện đã xuất bản 148 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Trong đó, số bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế là 29 bài.

Bảng 1. Tổng hợp các nhiệm vụ Khoa học công nghệ năm 2020

TT	Nhiệm vụ	Số lượng
I	Nhiệm vụ cấp Nhà nước	13
1	Dự án sản xuất thử cấp Nhà nước	5

TT	Nhiệm vụ	Số lượng
2	Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen vật nuôi	8
II	Nhiệm vụ cấp Bộ	50
1	Nhiệm vụ lưu giữ và bảo tồn nguồn gen vật nuôi	1
2	Đề tài cấp Bộ	20
3	Dự án SXTN cấp Bộ	4
4	Chương trình công nghệ sinh học	2
5	Chương trình Môi trường	2
6	Chương trình trọng điểm cấp Bộ	3
7	Dự án khuyến nông	8
8	Tiêu chuẩn quốc gia	4
9	Đề tài phục tráng nguồn gen	1
10	Dự án tăng cường năng lực cho phòng thí nghiệm trọng điểm	3
11	Đề tài tiềm năng	2
III	Nhiệm vụ Hợp tác trong nước (bao gồm cả nhiệm vụ thuộc chương trình nông thôn miền núi)	59
IV	Dự án hợp tác quốc tế	14
V	Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	37
Tổng số		173

2.5. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian và số đợt tuyển sinh/năm: Một đến nhiều đợt.

2.6. Chính sách ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên xét tuyển thuộc một trong những đối tượng sau: Thương binh, con liệt sỹ, người có công với cách mạng, dân tộc ít

người, người đang công tác tại miền núi, người nước ngoài. Người dự tuyển thuộc 1 trong các đối tượng ưu tiên trên được xét ưu tiên trong trường hợp các thí sinh bằng điểm nhau.

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

- a) Phí tuyển sinh: 200.000 đồng /hồ sơ
- b) Học phí: 15.000.000 đồng/NCS/năm

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Bảng 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	500
Thư viện, trung tâm học liệu	100
Phòng thí nghiệm, phòng thực hành	1000

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành:

Bảng 3. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
1.	TS. Nguyễn Văn Đại	Chăn nuôi
2.	TS. Nguyễn Công Định	Chăn nuôi
3.	TS. Phạm Đức Hạnh	Chăn nuôi
4.	PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền	Chăn nuôi
5.	TS. Phạm Doãn Lân	Chăn nuôi

6.	TS. Tăng Xuân Lưu	Chăn nuôi
7.	TS. Nguyễn Thị Nga	Chăn nuôi
8.	TS. Hoàng Thị Phi Phượng	Chăn nuôi
9.	TS. Nguyễn Văn Quang	Chăn nuôi
10.	TS. Vũ Văn Quang	Chăn nuôi
11.	TS. Phan Lê Sơn	Chăn nuôi
12.	PGS.TS. Phan Đình Thắm	Chăn nuôi
13.	TS. Hoàng Tuấn Thành	Chăn nuôi
14.	TS. Hà Minh Tuấn	Chăn nuôi
15.	TS. Trương Anh Tuấn	Chăn nuôi
16.	TS. Trịnh Quang Tuyên	Chăn nuôi
17.	TS. Nguyễn Thành Trung	Chăn nuôi
18.	TS. Nguyễn Khánh Vân	Chăn nuôi
19.	TS. Vương Thị Lan Anh	Chăn nuôi
20.	TS. Ngô Thị Kim Cúc	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
21.	TS. Nguyễn Văn Duy	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
22.	PGS.TS. Nguyễn Huy Đạt	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
23.	PGS.TS. Nguyễn Văn Đức	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
24.	TS. Phạm Văn Giới	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
25.	TS. Nguyễn Quý Khiêm	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
26.	TS. Lê Bá Quế	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
27.	TS. Trịnh Hồng Sơn	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
28.	TS. Nguyễn Thanh Sơn	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
29.	PGS.TS. Lê Thị Thúy	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
30.	TS. Phùng Đức Tiến	Di truyền và Chọn giống vật nuôi

31.	TS. Lê Văn Tiềm	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
32.	PGS.TS. Hoàng Văn Tiệu	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
33.	TS. Nguyễn Hữu Tinh	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
34.	TS. Dương Xuân Tuyền	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
35.	TS. Trần Thị Minh Hoàng	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
36.	TS. Phạm Kim Cương	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
37.	TS. Lê Văn Huyền	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
38.	GS.TS. Lã Văn Kính	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
39.	TS. Trần Thị Bích Ngọc	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
40.	TS. Nguyễn Đức Chuyên	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
41.	TS. Phạm Công Thiều	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
42.	TS. Chu Mạnh Thắng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
43.	TS. Phạm Sỹ Tiệp	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
44.	TS. Hồ Xuân Tùng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
45.	TS. Đỗ Thị Thanh Vân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
46.	TS. Ngô Đình Tân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
47.	TS. Đoàn Đức Vũ	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi

3.3. Các dự án, đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế

Viện đã triển khai đúng tiến độ và hiệu quả 14 dự án, đề tài HTQT trong năm 2020. Trong đó, Viện chủ trì 05 dự án gồm:

+ Dự án “Thành lập ngân hàng gen đông lạnh cho các giống lợn bản địa của Việt Nam và phát triển hệ thống chăn nuôi lợn bền vững để bảo vệ đa dạng sinh học”. Dự án đã tổ chức hội nghị tổng kết vào ngày 03/03/2020 và đang hoàn thiện các thủ tục cuối cùng để kết thúc dự án theo quy định.

+ Dự án ACIAR “Dự án thâm canh chăn nuôi bò thịt trong hệ thống nông nghiệp tại vùng cao Tây Bắc Việt Nam” (ACIAR – LPS/2015/037). Đã tổ chức thực hiện tất cả các nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực địa theo kế hoạch phê duyệt của dự án. Tổ chức Hội nghị thường niên tại Thái Nguyên đầu tháng 9 năm 2020. Làm thủ tục nhập khẩu 3 giống cò ôn đới từ Ngân hàng bảo tồn nguồn gen cò ôn đới của Úc về Việt Nam. Đã họp Hội nghị tổng kết năm 2020 vào tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên năm 2019-2020 chịu ảnh hưởng của dịch COVID toàn cầu cho nên dự án đang làm các thủ tục xin phép Bộ Nông nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước kéo dài thêm thời gian thực hiện dự án là 6 tháng so với kế hoạch ban đầu.

+ Dự án FAO “Bảo tồn đông lạnh các giống lợn bản địa Việt Nam nhằm bảo vệ và ngăn chặn nguy cơ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi”. Kết quả đã tiến hành điều tra tình hình chăn nuôi lợn bản địa và lấy 40 mẫu mô tai của lợn bản địa tại huyện Kỳ Sơn (Nghệ An) và huyện Mù Cang Chải, (Yên Bái.).

+ Đề tài nhận nguồn tài trợ từ tổ chức IFS “Ảnh hưởng của việc bổ sung probiotic và axit hữu cơ trong khẩu phần ăn của lợn thịt đến tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng, năng suất sinh trưởng và các khí thải từ phân“. Năm 2020, Dự án được triển khai tại Trung tâm Giống vật nuôi chất lượng cao, Học Viện Nông nghiệp. Dự án đã kết thúc tháng 10/2020 và hiện đang xử lý số liệu và viết báo cáo. Dự án xin gia hạn thêm 1 năm do ảnh hưởng dịch Covid19.

+ Đề tài FAO “Đánh giá thực trạng và tổ chức diễn đàn quốc gia về việc sử dụng thận trọng thuốc kháng khuẩn trong chăn nuôi lợn ở Việt Nam”. Kết quả đã tiến hành điều tra thực trạng việc sử dụng thuốc kháng khuẩn trong chăn nuôi lợn tại 08 tỉnh/thành phố gồm Hà Nội, Bắc Giang, Phú Thọ, Nghệ An, Bình Định, Đồng Nai, Bến Tre. Dự án đã hoàn thành đúng tiến độ và tổ chức thành công Hội nghị “Diễn đàn đánh giá tình hình sử dụng thuốc kháng khuẩn trong chăn nuôi lợn ở Việt Nam” vào ngày 30/12/2020 tại Viện Chăn nuôi.

Viện phối hợp với các đối tác thực hiện 08 đề tài và dự án: Nhánh nghiên cứu phát triển chuỗi lợn Bản cho HTX lợn Bản địa Đà Bắc Hòa Bình trong khuôn khổ dự án Safepork của ILRI; Nhánh Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm một sức khoẻ của Hội đồng Anh; Hợp tác với Đại học New England (Australia), Đại học Nông lâm Huế xây dựng dự án phát triển chăn nuôi và thị trường dê sữa, dê thịt ở Lào và Việt Nam; Phối hợp cùng tỉnh Tuyên Quang thực hiện Dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo, chế biến bảo quản thức ăn trong chăn nuôi bò tại tỉnh Xiêng Khoảng, Lào; Phối hợp với Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư với Hungary “Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn gen trong lĩnh vực thủy sản và vật nuôi thông qua hợp tác giữa Việt Nam và Hungary”; phối hợp với tổ chức KAPE – Hàn Quốc, Công ty CP giống gia súc Hà Nội triển khai chương trình “Nâng cao năng lực về phát triển công nghệ đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi với hệ thống truy suất nguồn gốc”; Hợp tác giữa Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ với tổ chức JICA Nhật Bản để thực hiện dự án: “Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh Balasa No.1 đến khả năng phát thải khí CH₄, N₂O và NH₃ từ phân bò” trong năm 2020; Hợp tác giữa Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương với Hãng Grimaud Frères Cộng hòa Pháp để tiếp nhận và chuyển giao giống thủy cầm, chim bồ câu cũng như trao đổi kinh nghiệm về công tác chọn giống gia cầm.

Ngoài ra, Viện tiếp tục tham gia hợp tác với các tổ chức quốc tế như CIRAD, ILRI, FAO và JICA (pha II)...để xúc tiến xây dựng các đề xuất, các chương trình HTQT.

3.4. Kiểm định chất lượng

Định kỳ, Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn tổ chức kiểm tra thực địa, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác.

Viện Chăn nuôi có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có chỗ làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

b) Có thư viện truyền thống với nguồn thông tin tư liệu đủ để nghiên cứu sinh tra cứu khi thực hiện đề tài luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước được cập nhật liên tục; có thư viện điện tử với bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu liên quan đến ngành đào tạo;

c) Có trang thông tin điện tử của Viện Chăn nuôi được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến ngành đăng ký đào tạo; danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (nếu có, trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật); công khai danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đang thực hiện (trong đó có thông tin về đào tạo nghiên cứu sinh trong khuôn khổ đề tài), những danh mục đề tài đề xuất tuyển nghiên cứu sinh; công khai mức thu học phí, chi phí đào tạo của Viện Chăn nuôi;

d) Có tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi riêng của Viện Chăn nuôi.

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

Phạm Công Thiều